

Bản án số: 484/2022/HS-PT

Ngày: 24/11/2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Mai Xuân Thành**.

Các thẩm phán: ông **Trần Quốc Cường** và ông **Phạm Việt Cường**.

- Thư ký phiên tòa: ông **Lương Quang Toàn**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Quách Đức Dũng**, Kiểm sát viên.

Vào ngày 24 tháng 11 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 427/2022/TLPT-HS ngày 05 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo Hà Hoàng S bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép”; tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép” và “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 61/2022/HS-ST ngày 23-8-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

HÀ HOÀNG S, sinh ngày 24 tháng 4 năm 1993 tại Quảng Nam; nơi ĐKNKTT: Thôn X, xã Q, huyện Q1, tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: K55/5 N; phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Phiên dịch viên; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Hà Văn H1 và bà Võ Thị Kim C (đều còn sống), sống chung như vợ chồng với Đặng Thị Thùy L (chưa làm thủ tục ĐKKH) và có 01 chung sinh năm 2021; tiền án: Chưa;

Tiền sự: Ngày 30/01/2018, bị Công an quận S1, thành phố Đà Nẵng ra quyết định xử phạt hành chính về hành vi “Đánh bạc trái phép dưới hình thức cá độ bóng đá thắng thua bằng tiền” với mức phạt tiền 1.500.000đ (Một triệu, năm trăm ngàn đồng).

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 26/02/2021, hiện đang tạm giam, có mặt tại phiên tòa.

Trong vụ án này còn có Đặng Thị Thùy L cùng bị xét xử về tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép”; tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép” và “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”. Sau khi xét xử sơ thẩm không có kháng cáo và không bị kháng nghị Toà án không triệu tập.

*** Người bào chữa cho bị cáo Hà Hoàng S:** Luật sư Nguyễn Trung K, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng bào chữa theo yêu cầu của bị cáo. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 01 giờ ngày 22/02/2021, tại căn hộ tầng 4 nhà số 160 đường D, phường A, quận S1, thành phố Đà Nẵng, Công an quận S1, thành phố Đà Nẵng tiến hành kiểm tra hành chính và phát hiện trong căn hộ có 04 người gồm: 02 người Việt Nam và 02 người đàn ông Trung Quốc. Qua làm việc, 02 đối tượng người Trung Quốc là Luo Bi Xiang và Luo Zi Jie khai nhận nhập cảnh trái phép vào Việt Nam và lưu trú tại phòng 1418 chung cư M1, quận N, thành phố Đà Nẵng.

Quá trình điều tra xác định:

Từ tháng 5/2020, Hà Hoàng S và Đặng Thị Thùy L có mối quan hệ chung sống với nhau như vợ chồng. Thông qua việc S quen biết với đối tượng tên A Hải (quốc tịch Trung Quốc, chưa xác định được lai lịch), từ ngày 07/12/2020 đến ngày 25/02/2021. Hà Hoàng S và Đặng Thị Thùy L đã có hành vi tổ chức cho 07 (bảy) người Trung Quốc không có giấy tờ, thị thực ở tại khách sạn M1, quận N, thành phố Đà Nẵng; Tổ chức cho 04 (bốn) người Trung Quốc không có giấy tờ, thị thực nhập cảnh vào Việt Nam, sau đó di chuyển vào thành phố Hồ Chí Minh; Tổ chức cho 08 (tám) người Trung Quốc không có giấy tờ, thị thực đi từ Đà Nẵng ra Hà Nội để xuất cảnh về lại Trung Quốc, cụ thể:

1. Về hành vi tổ chức cho 07 (bảy) người Trung Quốc ở tại chung cư M1, quận N, thành phố Đà Nẵng.

Vào khoảng ngày 07/12/2020, A Hải liên lạc qua wechat với Hà Hoàng S và yêu cầu S thuê 01(một) phòng khách sạn cho 02 (hai) người Trung Quốc nhập cảnh trái phép để lưu trú (Sau này, S biết 02 người Trung Quốc này tên là Lou Bi Xiang và Luo Zi Jie). S đã liên lạc với Đặng Thị Thùy L và yêu cầu L liên lạc với Phạm Thị Viên A1 để thuê phòng tại chung cư M1, quận N, thành phố Đà Nẵng. L sử dụng số điện thoại 0399.891.336 và tài khoản zalo đăng ký bằng số điện thoại này để liên lạc thuê phòng của A1 (điện thoại có chứa sim số

và tài khoản zalo này L đã vớt và xóa đi). A1 đồng ý cho L thuê phòng số 1418 chung cư M1 với giá 13.500.000đ/tháng, trong đó: tiền phòng là 10.000.000đ (Mười triệu đồng) và tiền điện nước, wifi, quản lý,... là 3.500.000đ (Ba triệu, năm trăm ngàn đồng). Sau đó, L báo lại cho S biết giá phòng và S báo cho A Hải tiền thuê phòng là 18.500.000đ/tháng, trong đó: tiền phòng là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), tiền điện nước, wifi, quản lý,... là 3.500.000đ. S và L thu lợi bất chính số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Đối với số tiền phải trả cho Phạm Thị Viên A1, vào ngày 11/12/2020, S nhờ Nguyễn Công Phúc (là bạn bè quen biết với S) đến gặp và đưa cho A1 số tiền 13.500.000đ (Mười ba triệu, năm trăm ngàn đồng).

- Tiếp đến, vào ngày 20/12/2020, A Hải tiếp tục liên lạc với S đặt vấn đề thuê phòng cho 05 (năm) người Trung Quốc không có giấy tờ, thị thực lưu trú. S sắp xếp cho L thuê 02 (hai) phòng 4046 và 4048 với giá thuê như trên (Mỗi phòng L trao đổi với S và S báo lại A Hải giá thuê 02 phòng là 33.000.000đ/tháng). S và L thu lợi bất chính số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng).

Ngày 24/12/2020, S nhờ Trương Công Hiếu (là bạn bè quen biết với S) chở S đến địa điểm tại đường Bình Thái 2, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, sau đó S nhờ Hiếu cầm số tiền 27.000.000đ (Hai mươi bảy triệu đồng) đến giao cho Phạm Thị Viên A1.

Đến ngày 20/01/2021, A Hải tiếp tục chuyển cho S tổng số tiền 40.981.000đ (Bốn mươi triệu, chín trăm tám một ngàn) là tiền thuê của 03 (ba) căn 1418, 4046, 4048 trong tháng tiếp theo. S đã đưa cho L số tiền 34.981.000 đồng (Ba mươi bốn triệu, chín trăm tám một ngàn) tiền mặt và nhờ L chuyển cho A1. L sử dụng dịch vụ chuyển tiền của Viettel để chuyển số tiền trên cho A1. Trong lần này, S và L thu lợi bất chính số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng).

Tổng số tiền S và L thu lợi bất chính là 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng), mỗi người hưởng lợi 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm ngàn đồng).

2. Về hành vi tổ chức cho 04 người Trung Quốc đi từ Lạng Sơn vào Tây Ninh:

Vào khoảng tháng 02/2021, S trao đổi với L về việc A Hải muốn S tổ chức cho 04 (bốn) người Trung Quốc không có giấy tờ, thị thực nhập cảnh trái phép vào Việt Nam và đi vào thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó, L liên hệ với đối tượng tên A Hào mà L quen qua mạng xã hội wechat (là người Trung Quốc, chưa xác định được lai lịch) để dẫn 04 (bốn) khách đi từ tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc vượt biên qua Việt Nam và đến Hà Nội với giá 12.000 nhân dân tệ. Ngày 21/02/2021, S đã sử dụng dịch vụ chuyển tiền qua wechat và chuyển số tiền 11.979 nhân dân tệ cho A Hào. Khi 04 (bốn) người Trung Quốc vượt biên đến Việt Nam thì L liên hệ Vũ Mạnh Cường (là người bạn quen biết ngoài xã hội

của L) sắp xếp nhà nghỉ cho khách. Ngày 22/02/2021, L chuyển đến tài khoản ngân hàng của Vũ Mạnh Cường số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) tiền nhà nghỉ của 04 (bốn) khách. Đồng thời, L nhờ Cường sắp xếp xe để chở khách từ Hà Nội vào thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 25/02/2021, L liên hệ với 01 trong 04(bốn) khách nói trên và được biết số khách này đã đến Campuchia.

Tổng số tiền mà L và S thu và chi trong lần này, cụ thể:

- Thu của khách: 12.000 nhân dân tệ/người x 04 người + 3.000 nhân dân tệ tiền nhà nghỉ = 51.000 nhân dân tệ, tương đương 178.500.000 đồng.

- Tổng số tiền đã chi: 143.953.000 đồng (Một trăm bốn mươi ba triệu, chín trăm năm ba ngàn).

+ Chi phí bao biên Trung Quốc (tiền trả cho A Hào để dẫn khách từ Quảng Tây, Trung Quốc qua biên giới Việt Nam) 12.000 nhân dân tệ (tương đương 42.000.000 đồng).

+ Chi phí bao biên Việt Nam (chi phí chở khách từ biên giới Việt Nam đến thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, Việt Nam) 4.000 nhân dân tệ (tương đương 14.000.000 đồng).

+ 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) tiền xe đi Cao Bằng - Hà Nội.

+ 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) tiền nhà nghỉ.

+ 680.000 đồng (Sáu trăm tám mươi ngàn đồng) tiền mua 04 sim điện thoại.

+ 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) tiền xe đi Hà Nội - Sài Gòn.

+ Ngày 24/02/2021, L chuyển khoản cho Vũ Mạnh Cường số tiền 17.273.000 đồng (Mười bảy triệu, hai trăm bảy ba ngàn đồng) là tiền công mà Cường đã thuê nhà nghỉ và xe chở khách vào thành phố Hồ Chí Minh.

- Tổng số tiền thu lợi bất chính là: 34.547.000 đồng (Ba mươi bốn triệu, năm trăm bốn mươi bảy ngàn đồng). Số tiền này, S và L, mỗi người hưởng lợi 17.273.000 đồng (Mười bảy triệu, hai trăm bảy ba ngàn đồng).

3. Về hành vi tổ chức cho 08 (tám) người Trung Quốc đi từ Đà Nẵng ra Hà Nội để về lại Trung Quốc:

Khoảng 01 giờ sáng ngày 22/02/2021, Luo Bi Xiang và Luo Zi Jie (02 trong số 07 người đã thuê chung cư M1) bị công an phát hiện không có giấy tờ, thị thực. Lúc này, A Hải đã liên lạc với S để đặt vấn đề nhờ S sắp xếp cho 08 (tám) người Trung Quốc (gồm 05 người còn lại ở chung cư M1 và 03 người khác) không có giấy tờ, thị thực đi từ Đà Nẵng về lại Trung Quốc. S đồng ý và

thỏa thuận với A Hải tiền công để đưa 08 (tám) người Trung Quốc này từ Đà Nẵng về lại Trung Quốc, cụ thể: 12.000 nhân dân tệ/người x 08 người + 2.000 nhân dân tệ (tiền ăn uống), tổng cộng là 98.000 nhân dân tệ (tương đương khoảng 343.000.000 đồng); thỏa thuận quá trình trả tiền như sau: A Hải đặt cọc trước 20.000 nhân dân tệ, khi 08 (tám) khách Trung Quốc nhập cảnh trái phép lên xe thì chuyển tiếp 18.000 nhân dân tệ, khách tới Hà Nội thì chuyển tiếp 30.000 nhân dân tệ, khi khách đến biên giới chuẩn bị vượt biên thì chuyển nốt 30.000 nhân dân tệ còn lại.

S đã liên lạc và cùng L sắp xếp xe cho 08 (tám) người này đi từ Đà Nẵng về lại Trung Quốc. L liên hệ với Vũ Mạnh Cường để thuê xe chở 08 (tám) người Trung Quốc đi từ Đà Nẵng ra Hà Nội với chi phí tổng cộng là 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng). Cường đồng ý và giới thiệu nhà xe Đăng Đoàn (Địa chỉ tại thôn Đình, thị trấn Phố Mới, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh) cho L và S.

Sau đó, S chủ động liên hệ với Nguyễn Đăng Đoàn (là chủ nhà xe Đăng Đoàn) qua số điện thoại 0988.837.738 để đặt vấn đề đón khách ở đoạn gần cửa hàng xăng dầu số 21 Petrolimex (cây xăng 21), thôn Túy Loan, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng và chở ra Hà Nội.

Ngày 24/02/2021, A Hải thông qua Nguyễn Văn Lượng đã chuyển số tiền cọc 20.000 nhân dân tệ, quy đổi thành 73.106.888 đồng đến tài khoản ngân hàng TMCP Sài Gòn SCB số 2872.999.9999 đứng tên Hà Hoàng S.

Đến khoảng 22 giờ ngày 25/02/2021, trong lúc đang ngồi nhậu cùng Nguyễn Nhật Trường và Võ Văn Huỳnh tại quán Ngọc Dương (Địa chỉ tại đường Đỗ Bá, quận N, thành phố Đà Nẵng), S đã thuê Trương Lê Phi Hổ (là tài xế của taxi Tiên Sa) điều khiển xe taxi hãng Tiên Sa BKS 43A-173.49 đến quán Pub tại địa chỉ 46 Phan Tôn, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng đón 08 người Trung Quốc và chở đến điểm hẹn tại cây xăng 21, thôn Túy Loan, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng thì Hổ đồng ý. S trả cho Hổ số tiền 400.000 đồng (Bốn trăm ngàn đồng) tiền chở khách.

Đến khoảng 23 giờ 17 phút cùng ngày, S gọi điện yêu cầu Hổ đến đón khách chở đến điểm hẹn như đã thỏa thuận. Sau đó, S yêu cầu Nguyễn Nhật Trường điều khiển xe ô tô hiệu Mazda 3 BKS 43A-480.55 (xe này S thuê của Mai Ngọc Quỳnh) đến thôn Túy Loan (đoạn cây xăng 21), huyện Hòa Vang để kiểm tra việc khách lên xe.

Ngày 26/02/2021, S chuyển khoản số tiền 18.000.000 đồng cho Đặng Thị Thùy L qua tài khoản ngân hàng số 2904.666.6666 (mở tại ngân hàng TMCP Sài Gòn SCB) để L trả tiền xe cho khách đi từ Đà Nẵng ra Hà Nội. Sau đó, L đã chuyển số tiền này đến tài khoản ngân hàng số 19032865298013 đứng tên Vũ Mạnh Cường, mở tại ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam Techcombank.

Sáng ngày 26/02/2021, sau khi S báo khách đã lên xe ra Hà Nội thì A Hải thông qua tài khoản ngân hàng của Nguyễn Văn Lượng đã chuyển đến tài khoản số 2872.999.9999 của S số tiền 18.000 nhân dân tệ (quy đổi thành 65.830.000 đồng).

Ngày 26/02/2021, sau khi Hà Hoàng S bị Công an bắt, tạm giữ, L vì không liên lạc được với S nên đã rút điện thoại cùng sim số. Do đó, L không biết được 08 người Trung Quốc sau khi ra đến Hà Nội thì đã về nước hay chưa.

Tổng số tiền S đã nhận của A Hải là 138.936.888 đồng (Một trăm ba mươi tám triệu, chín trăm ba mươi sáu ngàn). Tổng số tiền S và L đã chi trả là 18.400.000 đồng (Mười tám triệu bốn trăm ngàn đồng). Số tiền S và L thu lợi bất chính là 120.536.888 đồng, mỗi người hưởng lợi 60.268.444 đồng.

* Ngày 01/12/2021, Viện khoa học hình sự Bộ Công an đã có kết luận giám định số 8372/C09-P6 kết luận đối với các file tin nhắn thoại thu giữ từ điện thoại của Hà Hoàng S, xác định:

- Không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong các file âm thanh mẫu cần giám định.

- Tiếng nói của người nói giọng nữ trong mẫu cần giám định và tiếng nói của Đặng Thị Thùy L trong mẫu so sánh là của cùng một người.

Với nội dung nêu trên tại bản án hình sự sơ thẩm số 61/2022/HS-ST ngày 23 - 8 -2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định.

I. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Hà Hoàng S phạm các tội: “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép”, “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép” và “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”.

II. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ: Các điểm b, c khoản 2 Điều 348; điểm c khoản 2 Điều 348; khoản 1 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 55 BLHS.

Xử phạt: Bị cáo Hà Hoàng S: 07 (bảy) năm tù về tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép”, 06 (sáu) năm tù về tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép” và 02 (hai) năm tù về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả 03 (ba) tội buộc bị cáo phải chấp hành là: 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ 26/02/2021.

Bản án còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với Đặng Thị Thùy L.

Bản án còn quyết định về xử lý vật chứng và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Trong hạn luật định bị cáo Hà Hoàng S kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung đơn xin kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận đơn xin kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị Tòa án phúc thẩm huỷ Bản án sơ thẩm vì cho rằng cấp sơ thẩm bỏ lọt tội phạm đối với bà Phạm Thị Viên A1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hà Hoàng S và Đặng Thị Thùy L biết rõ các đối tượng người Trung Quốc không có visa thị thực nhập cảnh vào Việt Nam trái phép, nhưng vì vụ lợi các bị cáo S và L đã cấu kết với nhau tổ chức cho 07 người Trung Quốc không có giấy tờ, thị thực đến Đà Nẵng lưu trú tại các căn hộ số 1418, 4046 và 4048 chung cư M1, quận N, thành phố Đà Nẵng, do bà Phạm Thị Viên A1 là người cho thuê ở với giá thỏa thuận 13.500.000đ/tháng, trong đó bị cáo S là người thực hiện theo yêu cầu của đối tượng A Hải (người Trung Quốc chưa xác định lai lịch theo lời khai của S) nhờ thuê, đồng thời vừa là người nhận tiền từ A Hải để thanh toán tiền thuê cho bà A1, còn bị cáo L là người trực tiếp sử dụng điện thoại di động thông qua mạng xã hội Zalo để liên lạc với bà A1 (chủ các căn hộ cho thuê) thỏa thuận về giá cả thuê, sau đó báo lại cho bị cáo S biết, trên cơ sở đó bị cáo S tự nâng khống báo giá tiền thuê phòng cho A Hải là 18.500.000đ/tháng và được A Hải đồng ý; vì vậy, trong khoảng thời gian từ ngày 07/12/2020 đến ngày 20/02/2021 các bị cáo S, L đã 02 (hai) lần tổ chức cho 07 người Trung Quốc (không có visa thị thực nhập cảnh vào Việt Nam) ở lại Việt Nam trái phép cho đến khi bị lực lượng chức năng phát hiện, số tiền các bị cáo thu lợi bất chính là 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng), mỗi bị cáo được hưởng lợi 8.500.000 đồng (Tám triệu, năm trăm ngàn đồng).

[2] Sau khi hai người Trung Quốc (là Luo Bi Xiang và Luo Zi Jie) trong 07 người cùng thuê ở lưu trú tại các căn hộ số 1418, 4046 và 4048 chung cư M1 bị lực lượng Công an phát hiện không có giấy thị thực vào lúc 01 giờ sáng ngày 22/02/2021, thì ngay sau đó đối tượng A Hải tiếp tục liên lạc với bị cáo S qua điện thoại đặt vấn đề nhờ S sắp xếp cho 08 người Trung Quốc (trong đó có 05 người còn đang ở tại chung cư M1 và 03 người khác cũng đang lưu trú trái phép tại Đà Nẵng) về lại Trung Quốc và được S đồng ý.

Trong quá trình tổ chức cho 08 người Trung Quốc xuất cảnh trái phép thì bị cáo S bị cơ quan Công an bắt giữ.

[3] Tháng 02/2021, A Hải nhờ S tổ chức cho 04 người Trung Quốc không có giấy tờ thị thực nhập cảnh trái phép vào Việt Nam đi thành phố Hồ Chí Minh và được S đồng ý, trên cơ sở trong khoảng thời gian từ ngày 21/02/2021 đến 25/02/2021, Hà Hoàng S và Đặng Thị Thùy L đã cấu kết với nhau thông qua đối tượng A Hào và Vũ Mạnh Cường các bị cáo đã tổ chức trót lọt cho 04 người Trung Quốc không có giấy tờ, thị thực vượt biên nhập cảnh trái phép vào Việt Nam đi thành phố Hồ Chí Minh và sau đó đi xuống Tây Ninh sang Campuchia thu lợi bất chính tổng số tiền 34.546.000 đồng (Ba mươi bốn triệu, năm trăm bốn mươi sáu ngàn đồng), mỗi bị cáo được hưởng lợi 17.273.000 đồng (Mười bảy triệu, hai trăm bảy ba ngàn đồng).

Với những hành vi nêu trên Bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo Hà Hồng S về các tội; “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép”, “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép” và “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép” theo quy định tại Điều 348 BLHS, là có căn cứ đúng pháp luật.

Tại phiên toà hôm nay Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng cấp sơ thẩm bỏ lọt tội phạm đối với bà Phạm Thị Viên A1; Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình chuẩn bị xét xử sơ thẩm Toà án cấp sơ thẩm đã trả hồ sơ điều tra bổ sung về hành vi của bà A1 là người cho bị cáo L, S thuê các căn hộ nêu trên, xét thấy trong quá trình điều tra thể hiện bà A1 là chủ các căn hộ nêu trên là người cho bị cáo L thuê cụ thể: L sử dụng số điện thoại 0399.891.336 và tài khoản zalo đăng ký bằng số điện thoại này để liên lạc thuê phòng của A1 (điện thoại có chứa sim số và tài khoản zalo này L đã rút và xóa đi). A1 đồng ý cho L thuê phòng số 1418 chung cư M1 với giá 13.500.000đ/tháng, trong đó: tiền phòng là 10.000.000đ (Mười triệu đồng) và tiền điện nước, wifi, quản lý,... là 3.500.000đ (Ba triệu, năm trăm ngàn đồng). Sau đó, L báo lại cho S biết giá phòng và S báo cho A Hải tiền thuê phòng là 18.500.000đ/tháng, trong đó: tiền phòng là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), tiền điện nước, wifi, quản lý,... là 3.500.000đ. S và L thu lợi bất chính số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Từ nội dung trên cơ quan tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm không xử lý bà A1 về hình sự là có căn cứ. Do vậy ý kiến của Luật sư là không có căn cứ được chấp nhận.

[4] Xét đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất nhập cảnh của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Bị cáo S là người có vai trò chính trong vụ án, từ việc tiếp nhận ý chí của của đối tượng A Hải để thực hiện hành vi bố trí, sắp xếp cho nhóm 04 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam, đồng thời bố trí, sắp xếp cho 07 người Trung Quốc không có giấy tờ thị thực lưu trú bất hợp pháp tại Đà Nẵng, chưa dừng lại ở đó, khi nhóm người Trung Quốc lưu trú tại Đà

năng bị cơ quan chức năng phát hiện, bị cáo tiếp tục tổ chức cho 08 người Trung Quốc xuất cảnh trái phép từ Đà Nẵng về lại Trung Quốc, thu lợi bất chính số tiền lớn.

Bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất mức độ hành vi phạm tội cũng như vai trò và nhân thân của bị cáo, đồng thời áp dụng đúng và đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo về 03 tội với mức án được tổng hợp 15 năm tù là không nặng. Tại cấp phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ nào mới cho bị cáo được hưởng, do vậy đơn kháng cáo của bị cáo không có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: bị cáo Hà Hoàng S phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Hà Hoàng S. Giữ nguyên quyết định của bản án hình sự sơ thẩm số: 61/2022/HS-ST ngày 23-8-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

I. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Hà Hoàng S phạm các tội: “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép”; “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép” và “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”.

II. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ: Các điểm b, c khoản 2 Điều 348; điểm c khoản 2 Điều 348; khoản 1 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 55 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Hà Hoàng S: 07 (bảy) năm tù về tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép”, 06 (sáu) năm tù về tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép” và 02 (hai) năm tù về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”.

Tổng hợp hình phạt chung cho cả 03 (ba) tội buộc bị cáo phải chấp hành là: 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ 26/02/2021.

III/. Về án phí: Buộc bị cáo Hà Hoàng S phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND TP Đà Nẵng;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT - Công an TP Đà Nẵng;
- Phòng HSNV - Công an TP Đà Nẵng;
- Cơ quan CSTHAHS - CA TP Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp TP Đà Nẵng;
- Cục THADS TP Đà Nẵng;
- Trại tạm giam CA TP Đà Nẵng;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Mai Xuân Thành